TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2024/DS-PT
Ngày: 25/3/2024
V/v"Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng di chúc vô hiệu, chia di sản thừa kế là QSD đất và yêu cầu hủy giấy CNQSD đất"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Bà Phan Thị Vân Hương.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;
Ông Trần Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Hải Anh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Bùi Minh Nghĩa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 388/2024 /TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng di chúc vô hiệu, chia di sản thừa kế là QSD đất và yêu cầu hủy giấy CNQSD đất"; do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DSST ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2704/2024/QĐPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1947.

Địa chỉ: SN F, ngõ C đường B, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị P, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn X, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, Luật sư của Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: Số I T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Sơn L, sinh năm 1950. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Nguyễn Văn B.

3.2. Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

3.3. Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Tuấn A và chị Q: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960. Vắng mặt.

Địa chỉ: SN A ngõ D, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

3.4. Chị Nguyễn Thị Lan A1, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số C T, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3.5. Văn phòng C. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L1, Giám đốc.Vắng mặt.

Địa chỉ: Số D phố A, TT. T, huyện Q, Thanh Hóa.

3.6. UBND thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa;

3.7. UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung đơn khởi kiện và trình bày của guyên đơn ông Nguyễn Thanh H tại Tòa án cấp sơ thẩm:

Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Ngọc K (chết năm 1966), cụ Mai Thị H1 (chết năm 2018). Khi còn sống, bố mẹ ông tạo lập được một khối tài sản là thửa đất số 1213, tờ bản đồ số 02, diện tích 1094,7m^2 (trong đó có gồm: 1012m^2 đất ở và 82,7m^2 đất trồng cây lâu năm), địa chỉ: xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa và 02 ngôi nhà gỗ 03 gian lợp kè trên đất.

Cụ K và cụ H1 sinh được 07 người con là: Nguyễn Thị T1 (chết năm 2010), bà T1 có 01 con gái là Nguyễn Thị Lan A1; ông Nguyễn Văn N - là liệt sĩ và không có vợ con; ông Nguyễn Sơn L; ông Nguyễn Thanh T2 (chết năm 2017), ông T2 có 02 con là Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thị Như Q; ông Nguyễn Thanh T3 chết khi còn nhỏ, chưa có vợ con; ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Thanh H. Cụ K chết năm 1966 không để lại di chúc. Cụ H1 chết năm 2018, có để lại một bản di chúc đề ngày 26/7/2013 và có công chứng tại Văn phòng C - nhưng bản di chúc này lập từ khi nào ông H không được biết, mãi đến khi ông H làm thủ tục khởi kiện thì ông B mới xuất trình bản di chúc này. Ông H cho rằng bản di chúc này là vô hiệu vì: Cụ H1 là mẹ ông không biết chữ, không nghe rõ kể cả khi đeo máy trợ thính. Theo quy định của pháp luật trường hợp này phải có người làm chứng ký vào văn bản công chứng. Tuy nhiên, tại di chúc có viết "Tôi đã được đọc và nghe Công chứng viên Lê Ngọc L1 của Văn phòng C, tỉnh Thanh Hóa đọc lại nội dung bản di chúc, đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong bản di chúc", như vậy

là không đúng sự thật. Mặt khác, tại thời điểm mẹ ông lập di chúc (26/7/2013), phần tài sản của cụ H1 chưa được cấp giấy CNQSD đất (giấy chứng nhận của thửa đất này đã bị UBND huyện Q thu hồi ngày 12/11/2012 theo Quyết định số 2327/QĐ-UBND). Đến ngày 30/8/2013, mẹ ông mới được cấp GCNQSD đất số BO 498445 đối với thửa đất trên. Phần tài sản mẹ ông để lại cũng không được ghi rõ vị trí giáp ranh. Trên đất có nhà 03 gian lợp kè của cụ K và cụ H1 nhưng đã được ông Bá cải t, dịch chuyển trong cùng thửa đất. Các công trình trên đất khác là do ông B xây dựng và sửa chữa.

Ông H đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố văn bản công chứng di chúc vô hiệu và phân di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại theo quy định của pháp luật tại thửa số 1213, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính xã Q (nay là thị trấn T), huyện Q với diện tích 1094,7m^2, trong đó có 1012m^2 đất ở và 82,7m^2 đất trồng cây lâu năm cho các hàng thừa kế. Ông H có nguyện vọng được lấy phần di sản thừa kế bằng đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định di sản của cụ K để lại đã hết thời hiệu khởi kiện nên rút yêu cầu chia di sản của cụ K để lại.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông là con của cụ Nguyễn Ngọc K và cụ Mai Thị H1. Cụ K và cụ H1 sinh được 07 người con như ông H trình bày là đúng. Nguồn gốc thửa đất số 1213, tờ bản đồ số 02, diện tích 1094,7m^2 (trong đó có 1012m^2 đất ở và 82,7m^2 đất trồng cây lâu năm) tại địa chỉ: xã Q (nay là thị trấn T), huyện Q, tỉnh Thanh Hóa là của ông bà nội tạo dựng và để lại cho bố mẹ ông là cụ K, cụ H1. Ông B cùng sinh sống trên thửa đất với cụ K và cụ H1. Năm 1966, cụ K chết không để lại di chúc. Đến năm 1993, Nhà nước có chủ trương cấp GCNQDSĐ thì ông B được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất này. Ông B sinh sống ổn định trên đất, chăm sóc mẹ già và thờ cúng tổ tiên. Đến năm 2012, ông H làm đơn đề nghị các cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông B. UBND huyện Q đã thu hồi GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Văn B để cấp lại cho mẹ ông là cụ Mai Thị H1, GCN số BO 498445, số vào sổ CH 00968 ngày 30/8/2013.

Ông B không đồng ý với quyết định thu hồi này, nên khi đó đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương nhưng sau đó lại rút đơn khởi kiện vì ông B xét thấy việc kiện là không cần thiết. Từ đó đến nay ông B không làm đơn từ gì về quyết định này nữa. Năm 2018 cụ H1 chết.

Ngày 26/7/2013, cụ Mai Thị H1 đã lập di chúc tại VP công chứng N1, theo đó, cụ H1 giao cho ông B được toàn quyền sử dụng định đoạt phần đất của cụ H1 và phần mà cụ H1 được hưởng thừa kế của của cụ K là 600m^2. Khi lập di chúc, cụ H1 minh mẫn, tỉnh táo nhưng cụ H1 không biết chữ và bị lãng tai, không nghe rõ. Trên đất có nhà 03 gian lợp kè của cụ K và cụ H1 nhưng đã được ông Bá cải t, dịch chuyển trong cùng thửa đất. Các công trình trên đất khác là do ông B xây dựng và sửa chữa.

Nay ông H có đơn khởi kiện, đề nghị Tòa tuyên văn bản công chứng di chúc của cụ Mai Thị H1 là vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế, đề nghị Tòa án xem xét các quyết định và văn bản di chúc và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu ông B được chia di sản thừa kế thì ông có nguyện vọng được lấy đất.

Ngày 02/4/2021 ông Nguyễn Văn B có đơn phản tố, đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 498445 do UBND huyện Q cấp ngày 30/8/2013 cho cụ Mai Thị H1 là vô hiệu do có sai phạm về trình tự, thủ tục. Đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương chuyển toàn bộ hồ sơ cho Tòa án tỉnh Thanh Hóa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đề nghị:

- Công nhận phần di sản của cụ Nguyễn Ngọc K đã hết thời hiệu khởi kiện và tiếp tục giao cho ông Nguyễn Văn B quản lý, sử dụng.

- Công nhận bản di chúc của cụ Mai Thị H1 lập ngày 26/7/2013 tại Văn phòng C là hợp pháp. Phần di sản theo di chúc của cụ H1 giao cho người được hưởng di sản theo di chúc là ông Nguyễn Văn B.

*Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Nguyễn Sơn L: Xác nhận về quan hệ huyết thống như nguyên đơn, bị đơn trình bày; Xác nhận anh em ông đi làm nghĩa vụ cho Nhà nước, chỉ còn ông Nguyễn Văn B ở với mẹ là cụ Mai Thị H1. Sau đó, anh em ông lần lượt trở về địa phương, được mẹ ông và ông B giúp đỡ do việc xây dựng gia đình, cưới vợ, làm nhà cho từng người, trong đó có ông là Nguyễn Sơn L, em ông là Nguyễn Thanh T2, chị ông là Nguyễn Thị T1.

Thực tế là anh em ông đã được nhận quyền thừa kế di sản của bố mẹ mà không phải thông qua pháp luật vì tại thời điểm đó, sau khi tất cả anh em ông được mẹ ông cho xây nhà tại mảnh đất nói trên, tức là mỗi người đã được cho mỗi phần của riêng mình.

Sau thời kỳ đó, ông B làm ra kinh tế vật chất và lần lượt giúp đỡ anh chị em ông mua đất và làm nhà ra nơi khác ở cho rộng rãi. Tức là anh em ông đã thừa hưởng di sản thừ kế mà bố mẹ để lại rồi. Tuy nhiên, ông B đã tạo điều kiện cho anh em ông đi nơi khác để làm ăn sinh sống, còn phần đất mà anh em ông được hưởng thì chuyển sang cho ông B sử dụng để ông B chăn nuôi và trồng trọt. Điều thực tế này tất cả anh chị em ông và con cháu, làng xóm đều biết.

Về việc ông H đòi chia tài sản thừa kế, ông đã biết và can ngăn ông H nhiều lần nhưng ông H vẫn không nghe. Sau khi anh em ông được ông B hỗ trợ mua đất làm nhà ra nơi khác ở, còn lại một mình ông B ở lại phụng dưỡng mẹ già, nhang khói cho gia tiên và thờ phụng anh trai là liệt sĩ. Hơn nữa, trên mảnh đất này ông B đã cải tạo, quản lý và canh tác để làm ra của cải vật chất nuôi mẹ già và chi phí

cho những ngày giỗ tết cho gia tiên mà anh em ông không giúp đỡ ông B được gì về mọi mặt cho đến bây giờ.

Đến năm 2018 mẹ ông là cụ Mai Thị H1 chết. Việc lo ma chay, giỗ chạp cho mẹ đều do ông B đứng ra lo liệu và chi phí.

Nay ông H đòi chia tài sản của bố mẹ, ông có quan điểm như sau:

- Đề nghị ông H đóng góp các khoản tài chính trong việc lo ma chay cho mẹ, đóng góp tài chính để hỗ trợ ông B xây dựng nhà thờ (hiện nay ông B đã xây dựng xong).

- Nếu phải chia di sản thừa kế, ông đề nghị để lại diện tích là 100m2 ông B đã làm nhà thờ trước khi phân chia để anh em con cháu có chỗ nhang khói, ông B là người có trách nhiệm quản lý nhà thờ và nhang khói cho gia tiên.

- Nếu ông được hưởng phần di sản theo pháp luật thì ông xin tặng cho em trai ông là ông Nguyễn Văn B toàn bộ quyền lợi của ông và nhất trí cho ông B có toàn quyền định đoạt.

- *Chị Nguyễn Thị Lan A1 (thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị T1); anh Nguyễn Tuấn A và chị Nguyễn Thị Như Q (thừa kế thế vị của ông Nguyễn Thanh T2)* đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Văn phòng C trình bày:*

Ngày 26/7/2013, Văn phòng C, tỉnh Thanh Hóa có chứng nhận di chúc số công chứng: 1715, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD do bà Mai Thị H1 lập. Việc thực hiện chứng nhận di chúc cụ thể như sau: Ngày 26/7/2013, bà Mai Thị H1 có đến Văn phòng C, tỉnh Thanh Hóa yêu cầu chứng nhận bản di chúc để định đoạt phần quyền tài sản là ½ quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung của vợ chồng bà Mai Thị H1 và ông Nguyễn Ngọc K (đã chết).

Mảnh đất là tài sản chung của vợ chồng bà Mai Thị H1 tạo dựng nên và đã sinh sống ổn định, lâu dài từ trước đến nay. Nhưng vào ngày 30/6/1993, Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp nhầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên con trai bà H1 là ông Nguyễn Văn B. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hóa đã có Quyết định số: 2327/QD-UBND ngày 12/11/2012 về việc thu hồi hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn B để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị H1.

Trong thời gian thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Mai Thị H1, do tuổi đã cao, bà H1 cũng không biết thời gian cấp lại là bao lâu nên trong khi tinh thần đang còn minh mẫn, sáng suốt và tỉnh táo, bà H1 đã đến Văn phòng C, tỉnh Thanh Hóa để lập bản di chúc định đoạt phần tài sản của mình để đề phòng những bất trắc có thể xảy ra sau này.

Nội dung của di chúc là bà Mai Thị H1 để lại cho ông Nguyễn Văn B phần quyền tài sản là ½ quyền sử dụng thửa đất số: 1213, tờ bản đồ số: 02 và ½ quyền sử dụng thửa đất số: 1173, tờ bản đồ số: 02. Địa chỉ các thửa đất tại: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa). Phần

tài sản di chúc cho ông Nguyễn Văn B cụ thể như trong nội dung di chúc bà H1 đã lập. Tại thời điểm lập bản di chúc này, ông Nguyễn Văn B đang sinh sống và phụng dưỡng bà Mai Thị H1 trên khu đất này, ông Nguyễn Văn B cũng đã xây dựng nhà ở trên mảnh đất này, đồng thời ông B cũng là người có công nuôi dưỡng, chăm sóc bà H1 từ trước đến nay.

Qua kiểm tra các thủ tục để tiến hành công chứng, văn phòng C đã yêu cầu bà Mai Thị H1 cung cấp đầy đủ các tài liệu hồ sơ liên quan đến nhân thân bà Mai Thị H1 và các tài liệu hồ sơ liên quan đến quyền sử dụng các thửa đất. Tại thời điểm công chứng bà H1 minh mẫn, tỉnh táo.

Để làm chứng cho việc lập Di chúc của mình, bà Mai Thị H1 đã mời ông Bùi Ngọc V có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, thị trấn Q (nay là thị trấn T), huyện Q, tỉnh Thanh Hóa làm chứng. Ông V không phải anh em họ hàng gì với bà H1, không thuộc người thừa kế theo di chúc hay thừa kế theo pháp luật của bà H1, không phải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tới nội dung di chúc.

Ông Lê Ngọc L1 (Công chứng viên Văn phòng C) đã đọc toàn bộ nội dung Di chúc cho bà H1 nghe, bà H1 đã đồng ý toàn bộ nội dung di chúc và đồng ý thực hiện điểm chỉ vào di chúc.

Đến nay, ông Nguyễn Thanh H (là con đẻ của bà Mai Thị H1 và ông Nguyễn Ngọc K) có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố bản di chúc số công chứng: 1715, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/7/2013 lập tại Văn phòng C, tỉnh Thanh Hóa vô hiệu.

Quan điểm của Văn phòng C, tỉnh Thanh Hóa xét thấy bản di chúc đã chứng nhận đúng với ý chí của người lập di chúc, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Tại thời điểm công chứng, bà Mai Thị H1 vẫn minh mẫn, tỉnh táo, nhận thức rõ về hành vi lập di chúc của mình và bà đã được nghe Công chứng viên đọc lại bản di chúc. Văn phòng C, tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện chứng nhận di chúc theo đúng quy định của pháp luật. Theo ý chí của bà H1 là không biết khi nào mới cấp lại được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng tên bà nên để đề phòng việc tranh chấp có thể xảy ra sau này bà đã lập di chúc trước khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà chỉ di chúc phần quyền tài sản của bà, phần quyền sử dụng đất còn lại của chồng bà nếu các con bà không tự giải quyết được thì yêu cầu Toà án giải quyết.

- UBND thị trấn T, huyện Q có quan điểm theo Công văn số 172/CV-UBND ngày 08/6/2021 như sau:

+ Theo bản đồ địa chính năm 1985: gia đình bà Mai Thị H1 sử dụng đất tại 02 thửa đất là thửa 518, diện tích 432m^2 và thửa 519, diện tích 560m^2. Sổ mục kê ghi tên người sử dụng đất là xã viên.

+ Theo bản đồ địa chính năm 1993: gia đình bà Mai Thị H1 sử dụng đất tại thửa 1213, diện tích 1100m^2. Sổ mục kê ghi tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn B.

+ Theo bản đồ địa chính năm 2014: gia đình bà Mai Thị H1 sử dụng đất tại thửa 401, diện tích 1154m^2. Sổ mục kê ghi tên người sử dụng đất là bà Mai Thị H1.

+ Hiện nay thửa đất này ông Nguyễn Văn B đang quản lý và sử dụng, bà Mai Thị H1 sinh sống cùng với ông Nguyễn Văn B trên thửa đất này từ trước năm 1993. Ngày 30/6/1993 ông Nguyễn Văn B được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Đến năm 2013 ông Nguyễn Thanh H có đơn đề nghị UBND huyện Q hủy bỏ Giấy chứng nhận đã cấp cho ông Nguyễn Văn B với lý do thửa đất này là của bố mẹ ông là ông Nguyễn Ngọc K và bà Mai Thị H1. Đến ngày 20/8/2013 UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị H1 là do thửa đất này là đất cha ông để lại cho ông Nguyễn Ngọc K và bà Mai Thị H1.

Vị trí giáp ranh như sau:

- Phía Bắc giáp đường đi;

- Phía Nam giáp đường đi;

- Phía Tây giáp đường đi;

- Phía đông giáp nhà ông Nguyễn Lê P1.

Sau khi bà Mai Thị H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông B là người nộp tiền thuế đất và nộp từ năm 1993 đến nay.

Bản án sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 09/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã Quyết định:

Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; khoản 2 Điều 184; điểm h khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 219; khoản 3 Điều 218 BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ; khoản 1 Điều 623; Điều 624; Điều 625; Điều 626; khoản 3 Điều 628; khoản 1 Điều 630; Điều 634; Điều 635; khoản 1 Điều 643 BLDS.

Xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng di chúc vô hiệu, chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy CNQSD đất số BO 498445 ngày 30/8/2013 do UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp cho cụ Mai Thị H1.

3. Công nhận bản di chúc mà cụ Mai Thị H1 lập ngày 26/7/2013 tại Văn phòng C là hợp pháp. Ông Nguyễn Văn B được hưởng di sản theo di chúc của cụ Mai Thị H1 là quyền sử dụng đất theo giấy CNQSD đất mang tên cụ Mai Thị H1 số BO 498445 do UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 30/8/2013, tại thửa đất số số 1213, tờ bản đồ số 02, có địa chỉ tại SN B, ngõ D, phố N, thị trấn T,

huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, có diện tích 577m² (½ diện tích thửa đất số 1213, tờ bản đồ số 02, diện tích theo đo đạc thực tế).

Ông Nguyễn Văn B được hưởng di sản của cụ Nguyễn Ngọc K để lại nhưng đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích 577m² (½ diện tích thửa đất số 1213, tờ bản đồ số 02, diện tích theo đo đạc thực tế).

Trong diện tích đất trên có 1012m² là đất ở nông thôn và 142m² đất trồng cây lâu năm, có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp nhà ông Nguyễn Lê P1;

- Phía Tây giáp ngõ đi;

- Phía Nam giáp đường liên thôn;

- Phía Bắc giáp ngõ đi.

Ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm liên hệ với UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa để cấp lại giấy CNQSD đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn B được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phản tố đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000378 ngày 02/4/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 21/6/2023, ông Nguyễn Thanh H kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm giao xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

Ông Nguyễn Thanh H xác định không kháng cáo phần bản án sơ thẩm giải quyết về di sản hết thời hiệu của cụ K; giữ nguyên quan điểm về việc mẹ đẻ là cụ H1 không nghe được nên việc công chứng là không đúng quy định nhưng bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận là không đúng.

Trợ giúp pháp lý Lê Thị P trình bày quan điểm bảo vệ quyền lợi cho ông H với nội dung: Ngoài việc công chứng di chúc vi phạm quy định của Luật công chứng trong trường hợp cụ H1 là người không biết chữ, không nghe được; vào thời điểm công chứng cụ chưa được cấp GCN. Đủ căn cứ xác định văn bản công chứng vô hiệu theo quy định tại Điều 630, Điều 634,…Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H.

Ông Nguyễn Văn B trình bày giữ nguyên quan điểm tại tòa án cấp sơ thẩm; đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H.

Luật sư Nguyễn Văn M trình bày quan điểm bảo vệ quyền lợi cho ông B với phân tích: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định di chúc hợp lệ và xét xử đúng quy định, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký; của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm đã được bảo đảm đúng quy định. Về nội dung: Cụ H1 nghe kém nhưng đã có người làm chứng do cụ mời đến cơ quan công chứng. Di chúc ngày 26/7/2013 của cụ H1 đã đảm bảo đúng quy định. Ông B là người trực tiếp quản lý di sản hết thời hiệu của cụ K nên được hưởng phần di sản hết thời hiệu; phần cụ H1 đã có di chúc cho ông hưởng. Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật; người kháng cáo không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của các bên và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án dân sự yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn; đã xác định đúng và đầy đủ người tham gia tố tụng.

Kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H hợp lệ, đủ điều kiện xem xét.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế, các đương sự đều thống nhất: Cụ ông Nguyễn Ngọc K (chết năm 1966) và cụ Mai Thị H1 (chết năm 2018). Người thừa kế gồm ông Nguyễn Thanh H; ông Nguyễn Văn B; ông Nguyễn Sơn L; chị Nguyễn Thị Lan A1 (người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị T1); anh Nguyễn Tuấn A và chị Nguyễn Thị Như Q (là người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Thanh T2).

[2.2] Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp mang số 1213 tờ bản đồ số 02 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 498445 do UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 30/8/2013 đứng tên cụ Mai Thị H1: Các đương sự đều thống nhất là của vợ chồng cụ K, cụ H1. Theo quy định của pháp luật thì phần tài sản của mỗi cụ là ½ trong khối tài sản chung.

[2.3] Cụ K chết năm 1966, không lập di chúc. Ngày 07/10/2020, ông Nguyễn Thanh H có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của cha mẹ để lại.

Khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản". Tại đơn phản tố và trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Văn B đã đưa ra ý kiến đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện về thừa kế phần của cụ K hết thời hiệu và đồng thời đề nghị được hưởng phần thừa kế đã hết thời hiệu. Áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) và hướng dẫn tại Nghị quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối

cao, Bản án sơ thẩm xác định thời hiệu mở thừa kế của cụ K đã hết, từ đó công nhận phần di sản của cụ K hết thời hiệu cho ông B căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông L, các thừa kế của ông T2 (anh Tuấn A và chị Như Q), của bà T1 (chị Lan A1) không kháng cáo.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm ông cũng đã rút yêu cầu đối với phần di sản hết thời hiệu. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H xác định không kháng cáo phần bản án sơ thẩm giải quyết về di sản hết thời hiệu của cụ K.

[2.4] Về phần cụ Mai Thị H1 (chết 12/6/2018), cụ có lập di chúc lập ngày 26/7/2013 tại Văn phòng C (VPCC) N. Nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H yêu cầu tuyên bố di chúc này là vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ H1.

Xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

- Trước đó, vào ngày 21/4/2009, cụ H1 có đọc và nhờ anh T4 viết hộ di chúc (nội dung cho ông Nguyễn Văn B toàn bộ tài sản của cụ); di chúc được ông trưởng thôn là ông Nguyễn Ngọc P2 và chủ tịch xã Q là ông Nguyễn Gia K1 chứng thực.

- Tuy nhiên, đến ngày 26/7/2013, tại Văn phòng C cụ H1 lập 01 bản di chúc khác có nội dung: Phần diện tích của cụ được hưởng trong thửa đất 1213 và thửa 1173 cho ông B toàn bộ. Di chúc này có ông Bùi Ngọc V làm chứng, được chứng thực tại VPCC N.

Ông H chỉ cho rằng tại thời điểm lập di chúc năm 2013 cụ H1 không minh mẫn, nghe rất kém đồng thời ông cũng không có giấy tờ gì của cơ quan y tế chứng minh cụ H1 hoàn toàn không có khả năng nghe, hiểu và diễn đạt ý kiến. Hồ sơ công chứng thể hiện người làm chứng tại thời điểm cụ lập di chúc là do cụ H1 tự mời đến; cụ trình bày để công chứng ghi chép và cụ điểm chỉ vào từng trang di chúc dưới sự chứng kiến của người làm chứng (là người đủ điều kiện làm chứng theo quy định).

Đủ căn cứ xác định việc công chứng di chúc đáp ứng quy định tại điều 658 Bộ luật dân sự 2005; đã thể hiện đúng ý chí của người lập di chúc là cho ông Nguyễn Văn B phần tài sản cụ H1 trong khối tài sản chung với cụ K. Ngày 12/6/2018 cụ H1 chết, theo quy định, Văn phòng công chứng đã tiến hành thủ tục công bố di chúc.

[2.5] Với các chứng cứ tài liệu trên, bản án sơ thẩm đã xác định di chúc của cụ H1 là hợp pháp, đã phát sinh hiệu lực; từ đó quyết định không chấp nhận yêu cầu của ông H (yêu cầu huỷ di chúc công chứng tại VPCC N để chia thừa kế theo pháp luật) và quyết định công nhận cho ông B được hưởng phần tài sản của cụ H1 theo di chúc, là có cơ sở.

[3] Ông B có đơn phản tố yêu cầu Toà án giải quyết tuyên huỷ giấy CNQSD đất số BO 498455 cấp cho bà Mai Thị H1; tại phiên toà sơ thẩm ngày 07/4/2023 ông B rút yêu cầu nên bản án sơ thẩm đã đình chỉ không xem xét, là đúng.

[4] Với các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để hủy bản án sơ thẩm như ông H yêu cầu. Ông H thuộc đối tượng được miễn án phí và đã có đơn xin miễn nên đủ điều kiện được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 270, Điều 282, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Thanh H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 25/3/2024.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân Hương

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

N2